|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**  **TỈNH THÁI NGUYÊN**  Số: ......./......../NQ-HĐND  **DỰ THẢO** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Thái Nguyên, ngày tháng năm 2025* |

**NGHỊ QUYẾT**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

*Xét Tờ trình số …..ngày .. tháng …năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,*

*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị quyết do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.*

**Điều 1.** **Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐND ngày 18/5/2017 của HĐND tỉnh quy định về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt và khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

1. Sửa đổi, bổ sung căn cứ pháp lý ban hành như sau:

*“Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số*[120/2016/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thue-phi-le-phi/nghi-dinh-120-2016-nd-cp-huong-dan-luat-phi-le-phi-320506.aspx)*ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;*

*Căn cứ Nghị định số*[164/2016/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-nguyen-moi-truong/nghi-dinh-164-2016-nd-cp-ve-phi-bao-ve-moi-truong-doi-voi-khai-thac-khoang-san-325915.aspx)*ngày 24 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;*

*Căn cứ Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;*

*Căn cứ Thông tư số*[250/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thue-phi-le-phi/thong-tu-250-2016-tt-btc-phi-le-phi-tham-quyen-hoi-dong-tinh-thanh-pho-truc-thuoc-trung-uong-2016-323394.aspx)*ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;”*

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 1 như sau:

“3. Quản lý và sử dụng phí

a) Để lại 10% trên tổng số tiền phí bảo vệ môi trường thu được cho tổ chức cung cấp nước sạch và 25% cho Ủy ban nhân dân xã, phường để trang trải chi phí cho hoạt động thu phí.

b) Phần còn lại (sau khi trừ đi số phí trích để lại cho đơn vị) nộp vào ngân sách nhà nước để sử dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số53/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ.”

**Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 12/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh thông qua Đề án “Quản lý và xây dựng hệ thống giết mổ gia súc, gia cầm giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên”**

1. Sửa đổi, bổ sung căn cứ pháp lý ban hành như sau:

*“Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;”*

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 1 như sau:

“b) Về quy hoạch địa điểm, bố trí đất đai xây dựng cơ sở giết mổ động vật: Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm quy hoạch địa điểm đưa vào kế hoạch sử dụng đất của địa phương để xây dựng cơ sở giết mổ; đất dành cho xây dựng cơ sở giết mổ động vật phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của địa phương, quy hoạch xây dựng nông thôn mới; cơ sở giết mổ động vật phải tuân thủ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 69 Luật Thú y; cơ sở sơ chế, chế biến sản phẩm động vật tuân thủ khoản 3 Điều 69 Luật Thú y.”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 3 Điều 1 như sau:

“d) Giải pháp quản lý Nhà nước về hoạt động giết mổ, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật: Phân định rõ trách nhiệm thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với chính quyền cấp tỉnh, cấp xã và thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát, kịp thời có giải pháp cụ thể nhằm tăng cường nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về giết mổ, kinh doanh sản phẩm động vật trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.”.

**Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của HĐND tỉnh quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi ngừng hoạt động chăn nuôi hoặc di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

1. Sửa đổi, bổ sung tên của Nghị quyết như sau:

“Quy định khu vực tổ dân phố, khu dân cư không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ khi ngừng hoạt động chăn nuôi hoặc di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên”

2. Sửa đổi, bổ sung căn cứ pháp lý ban hành như sau:

*“Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;*

*Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;*

*Căn cứ Nghị định số*[*13/2020/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/linh-vuc-khac/nghi-dinh-13-2020-nd-cp-huong-dan-luat-chan-nuoi-433295.aspx)*ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;*

*Căn cứ Thông tư số*[*23/2019/TT-BNNPTNT*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/linh-vuc-khac/thong-tu-23-2019-tt-bnnptnt-huong-dan-luat-chan-nuoi-ve-hoat-dong-chan-nuoi-430225.aspx)*ngày 30 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi;”*

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 1 như sau:

“2. Đối tượng áp dụng

Tổ chức, cá nhân người Việt Nam, người nước ngoài có cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm trong khu vực không được phép chăn nuôi của xã, phường, khu dân cư; trừ nuôi động vật làm cảnh, nuôi động vật trong phòng thí nghiệm mà không gây ô nhiễm môi trường.”

4. Sửa đổi, bổ sung tên của Điều 2 như sau:

“**Điều 2. Quy định khu vực tổ dân phố, khu dân cư trên địa bàn tỉnh không được phép chăn nuôi**”

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2 như sau:

“1. Khu vực không được phép chăn nuôi gia súc, gia cầm, bao gồm: Các tổ dân phố, khu dân cư thuộc các xã, phường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên có tỷ lệ lao động phi nông nghiệp chiếm từ 85% trở lên và tổng diện tích nhóm đất phi nông nghiệp chiếm tỷ lệ từ 80% trở lên so với tổng diện tích đất tự nhiên.”

6. Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 1 Điều 4 như sau:

“e) Chủ cơ sở di dời phải hoàn chỉnh hồ sơ và có xác nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cơ sở chăn nuôi phải di dời. Việc xác nhận chi phí hỗ trợ phải do các phòng, ban chuyên môn cấp xã thẩm định và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt.”

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 4 như sau:

“Kinh phí hỗ trợ quy định tại Điều 3 của Nghị quyết này được cân đối trong dự toán ngân sách của tỉnh giao cho các xã, phường hằng năm.”

**Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 15/2020/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của HĐND tỉnh thông qua Đề án phát triển nông nghiệp chủ lực tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2015, định hướng đến năm 2030**

1. Sửa đổi, bổ sung căn cứ pháp lý ban hành như sau:

*“Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Luật Chăn nuôi gày 19 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;*

*Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP, ngày 24/5/2018 của Chính phủ về Khuyến nông;*

*Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 5/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ về Nông nghiệp hữu cơ;*

*Thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Nghị quyết số 10/NQ-TU ngày 21/10/2019 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nông nghiệp tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2019-2025 và định hướng đến năm 2030;”*

2. Sửa đổi, bổ sung điểm 6.1, 6.2, 6.3, 6.4 mục 6. Tổ chức thực hiện tại Tóm tắt Đề án phát triển sản phẩm nông nghiệp chủ lực tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 như sau:

“6.1. Ủy ban nhân dân tỉnh: Chỉ đạo xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện đề án. Trong đó hàng năm bố trí kinh phí hỗ trợ và chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường, các Sở, Ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, phường xây dựng kế hoạch thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ của các ngành, đơn vị, địa phương.

6.2. Sở Nông nghiệp và Môi trường: Là cơ quan thường trực thực hiện đề án; chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các ngành có liên quan triển khai thực hiện các nội dung của đề án.

6.3. Các Sở, Ban, Ngành liên quan: Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Uỷ ban nhân dân các xã, phường chỉ đạo, triển khai thực hiện đề án.

6.4. Ủy ban nhân dân các xã, phường: Chủ trì tổ chức thực hiện đề án theo mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, cơ chế chính sách đã được phê duyệt; chịu trách nhiệm trước Tỉnh ủy, Uỷ ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện đề án trên địa bàn cấp xã.”

**Điều 5. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 28/10/2022 Ban hành quy định một số nội dung, mức hỗ trợ từ nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

1. Sửa đổi, bổ sung căn cứ pháp lý ban hành như sau:

“*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022;*

*Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;*

*Căn cứ Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thông tư số 07/2024/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 5 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022;*

*Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ Tài chính Quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;*

*Thực hiện Quyết định số 801/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề Việt Nam giai đoạn 2021-2030;*

*Thực hiện Quyết định số 922/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;*”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 1 như sau:

**“**2. Đối tượng áp dụng

Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng, quyết toán và thụ hưởng nguồn vốn hỗ trợ thực hiện Chương trình.”

3. Sửa đổi Điều 4, như sau:

**“Điều 4. Chi hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cấp xóm (thôn)**

1. Đối với mô hình quy mô hộ gia đình: Hỗ trợ 70% kinh phí thực hiện mô hình được phê duyệt đối với các xã nhưng không quá 15 triệu đồng/mô hình.

2. Đối với mô hình quy mô cấp xóm (thôn): Hỗ trợ 70% kinh phí thực hiện mô hình được phê duyệt đối với các xã nhưng không quá 1.000 triệu đồng/mô hình.”

4.Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 5 như sau:

“2. Chi hỗ trợ truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã, tỉnh: Mức hỗ trợ 100% chi phí, nhưng không quá 10 triệu đồng/sản phẩm.”

5.Sửa đổi khoản 1, khoản 2 Điều 10 như sau:

**“Điều 10. Chi nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở**

1. Chi mua sắm các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao tại các thiết chế văn hoá, thể thao các cấp phù hợp với tình hình hoạt động thực tế tại địa phương. Mức hỗ trợ theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và tối đa

a) Trung tâm Văn hoá cấp tỉnh: 1.000 triệu đồng/thiết chế.

b) Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã: 80 triệu đồng/thiết chế.

c) Nhà văn hoá - Khu thể thao xóm (thôn): 50 triệu đồng/thiết chế.

2. Chi hỗ trợ xây dựng tủ sách cho Thư viện, Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã; tủ sách cho Nhà văn hoá - Khu thể thao xóm (thôn). Mức hỗ trợ theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và tối đa

a) Thư viện, tủ sách tại Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã: 50 triệu đồng/01 tủ sách.

b) Tủ sách Nhà văn hoá - Khu thể thao xóm (thôn): 30 triệu đồng/01 tủ sách.”

**Điều 6. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 16/6/2022 của HĐND tỉnh quy định nội dung, mức chi phục vụ hoạt động của Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

1. Sửa đổi, bổ sung căn cứ pháp lý ban hành như sau:

“*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 30/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định tổ chức, hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn;*

*Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phru quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;*

*Căn cứ Thông tư số 85/2020/TT-BTC ngày 01 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng kinh phí phục vụ hoạt động của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai và Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp;”*

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2, Điều 2 Quy định kèm theo Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 16/6/2022 của HĐND tỉnh như sau:

“**Điều** **2. Đối tượng áp dụng**

1. Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh, cấp xã (gọi chung là Ban Chỉ huy cấp tỉnh, cấp xã); bộ phận làm nhiệm vụ của Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy cấp tỉnh, bộ phận thường trực của Ban Chỉ huy cấp xã.

2. Cán bộ, công chức, viên chức và các cá nhân thực hiện nhiệm vụ của Ban Chỉ huy cấp tỉnh, cấp xã hoặc bộ phận làm nhiệm vụ của Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy cấp tỉnh, bộ phận thường trực của Ban Chỉ huy cấp xã.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 3 Quy định kèm theo Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 16/6/2022 của HĐND tỉnh như sau:

**“Điều 3. Nội dung chi, mức chi**

1. Chi đảm bảo hoạt động của Ban Chỉ huy cấp tỉnh, cấp xã; bộ phận làm nhiệm vụ của Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy cấp tỉnh; bộ phận thường trực của Ban Chỉ huy cấp xã.

d) Chi phí thuê chuyên gia: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 004/2025/TT-BNV ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu;

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4 Điều 3 Quy định kèm theo Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 16/6/2022 của HĐND tỉnh như sau:

“3. Công tác khen thưởng cho cá nhân, tổ chức có thành tích trong công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn: Thực hiện theo quy định tại Nghị định 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng.

4. Xây dựng tài liệu, phổ biến, tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn:

c) Tổ chức các buổi tọa đàm, cuộc thi, bình chọn, triển lãm ảnh, mít tinh và các hình thức, sản phẩm truyền thông khác để tăng cường nội dung thông tin, tuyên truyền về phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên quy định mức chi đảm bảo cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.”

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, Điều 4 Quy định kèm theo Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 16/6/2022 của HĐND tỉnh như sau:

**“Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện**

1. Ngân sách địa phương bảo đảm kinh phí hoạt động của Ban Chỉ huy cấp tỉnh, cấp xã và được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hằng năm của cơ quan được giao nhiệm vụ Ban Chỉ huy, bộ phận làm nhiệm vụ của Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy cấp tỉnh, bộ phận thường trực của Ban Chỉ huy cấp xã và theo phân cấp ngân sách hiện hành.”

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, Điều 5 Quy định kèm theo Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 16/6/2022 của HĐND tỉnh như sau:

**“Điều 5. Quy định quản lý và sử dụng kinh phí hoạt động của Ban Chỉ huy cấp tỉnh, cấp xã**

1. Việc quản lý, sử dụng kinh phí hoạt động của Ban Chỉ huy cấp tỉnh, cấp xã thực hiện theo quy định tại Luật Ngân sách nhà nước, Điều 5 của Thông tư số 85/2020/TT-BTC và các văn bản pháp luật khác có liên quan.”

**Điều 7. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 10/2024/NQ-HĐND ngày 06/9/2024 quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

1. Sửa đổi căn cứ pháp lý ban hành như sau:

*“Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;*

*Căn cứ nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;”*

2. Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 2 Điều 1 như sau:

“đ) Các cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai; Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã và các đối tượng khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất đai.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

**“Điều 3. Hỗ trợ đất sinh hoạt cộng đồng**

Đồng bào dân tộc thiểu số chưa có đất sinh hoạt cộng đồng được Ủy ban nhân dân cấp xã bố trí đất sinh hoạt cộng đồng gắn với hệ thống thiết chế văn hoá, thể thao cơ sở phù hợp với phong tục, tập quán, tín ngưỡng, bản sắc văn hoá và điều kiện thực tế của địa phương, đảm bảo diện tíchtối thiểu là 300 m2.”

**Điều 8. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

**Điều 9. Điều khoản thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa IV, Kỳ họp thứ … thông qua ngày … tháng … năm 2025.*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo); - Chính phủ (Báo cáo); - Bộ Tài chính (Báo cáo); - Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Báo cáo); - Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp (Kiểm tra); - Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo); - Thường trực HĐND tỉnh; - Ủy ban nhân dân tỉnh; - Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh; - Ủy ban MTTQ tỉnh; - Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa XIV; - Tòa án nhân dân tỉnh; - Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh; - Cục Thi hành án dân sự tỉnh; - Kiểm toán nhà nước Khu vực X; - Văn phòng; Tỉnh ủy, UBND tỉnh; - Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, - Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh; - TT HĐND, UBND các cấp thuộc tỉnh; - Báo Thái Nguyên, Trung tâm Thông tin tỉnh; - Lưu: VT, CTHĐND. | **CHỦ TỊCH** |